

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do -Hạnh phúc**

Số: 1051 /QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 10 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Căn cứ Nghị định 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 34/2016/QĐ-UBND ngày 04/10/2016 của UBND tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước đầu tư hạ tầng kinh tế xã hội xã nông thôn mới giai đoạn 2016-2020;

Quyết định số 1392/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Tây Ninh giai đoạn 2018-2020;

Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Tây Ninh về phê duyệt chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới Ninh giai đoạn 2019-2020;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Trảng Bàng tại Tờ trình số 264/TTr-

UBND ngày 04/4/2019 về việc đề nghị điều chỉnh quy mô và tổng mức đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 và Báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn số 83/BC-SKHĐT ngày 16/04/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2019-2020 tại khoản 3, Điều 1 Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của UBND tỉnh, được thể hiện ở phụ lục đính kèm. *(Các nội dung khác không thay đổi).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và là một phần không tách rời của Quyết định số 2656/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Chánh văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Trảng Bàng và Thủ trưởng các sở, ngành có liên quan căn cứ quyết định thi hành./.

Nơi nhận: 

- Chủ tịch, PCT;
- Như điều 3;
- PTVP, PVP Nhung, KTTC;
- Lưu: VT.

binhh_t_QDUB_055

12



Dương Văn Thắng

Phụ lục: DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU CHỈNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ THUỘC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI GIAI ĐOẠN 2019-2020

Đính kèm Quyết định số 1051/QĐ-UBND ngày 10/5/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh

Stt	Tên dự án	Trước khi điều chỉnh			Sau khi điều chỉnh		
		Quy mô	TMĐT-DPP	NSTW	Quy mô	TMĐT-DPP	NSTW
	Tổng (đvt: triệu đồng)		50.080	29.296,67	-	50.444	29.296,67
V	Huyện Trảng Bàng		50.080	29.296,67		50.444	29.296,67
82	Láng nhựa Đường Hương lộ 8 nối tiếp	Dài 2500, láng nhựa	5.000	2.999,67	Dài 2500, láng nhựa	5.000	2.999,67
83	Láng nhựa Đường kênh Mương Đào	Dài 1400, láng nhựa	2.800	1.680,0	Dài 1400, láng nhựa	2.800	1.680
84	Láng nhựa Đường Rạch me đoạn cuối	Dài 2400, láng nhựa	4.800	2.880	Dài 2400, láng nhựa	5.791	3.475
85	Láng nhựa đường kênh chính trạm bơm	Dài 2500, láng nhựa	5.000	3.000	Dài 2514, láng nhựa	6.584	3.950
86	Láng nhựa đường rạch trà cao	Dài 2400, láng nhựa	4.800	2.880	Dài 2.030 láng nhựa	4.289	2.574
87	Láng nhựa đường Phước Lập	Dài 2000, láng nhựa	4.000	2.400	Dài 1322, láng nhựa	3.398	2.039
88	Láng nhựa đường sông vàm cỏ	Dài 2100, láng nhựa	4.200	2.520	Dài 2100, láng nhựa	Không thực hiện	
89	Láng nhựa Đường Đình Ông	Dài 1160, láng nhựa	2.300	1.380	Dài 1160, láng nhựa	2.622	1.573
90	Nâng cấp, sửa chữa Đường Hương lộ 8	Dài 5500, láng nhựa	5.000	3.000	Dài 6708, láng nhựa	5.880	3.528
91	Nâng cấp sỏi đỏ Kênh chính trạm bơm đoạn cuối	Dài 900 mét, sỏi đỏ	1.080	432	Dài 881 mét, sỏi đỏ	1.114	446
92	Nâng cấp sỏi đỏ Đường Lò gạch	Dài 900 mét, sỏi đỏ	350	140	Dài 1235 mét, sỏi đỏ	1.828	731
93	Láng nhựa Đường nhánh Phước Hòa 2	Dài 250, láng nhựa	500	300	Dài 283, láng nhựa	698	419
94	Láng nhựa đường nhánh Phước Hưng 1	Dài 600, láng nhựa	1.200	720	Dài 614, láng nhựa	1.444	866
95	Láng nhựa đường nhánh Phước Hưng 2	Dài 500, láng nhựa	1.000	600	Dài 500, láng nhựa	1.018	611
96	Nâng cấp sỏi đỏ đường nghĩa địa Phước Hưng	Dài 1000 mét, sỏi đỏ	1.200	480	Dài 1000 mét, sỏi đỏ	1.609	644
97	Láng nhựa Đường nhánh Phước Đông 1	Dài 375, láng nhựa	750	450	Dài 375, láng nhựa	723	434
98	Láng nhựa Đường nhánh Phước Đông 2	Dài 350, láng nhựa	700	420	Dài 350, láng nhựa	1.236	742
99	Láng nhựa Đường Phước Hưng 4	Dài 800, láng nhựa	1.600	960	Dài 461, láng nhựa	1.030	557
100	Láng Nhựa Đường nhánh ấp Phước Thuận	Dài 1900, láng nhựa	3.800	2.055	Dài 1900, láng nhựa	3.380	2.028

